

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671016 - Vật lý đại cương 1  
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0)      Lần thi : 2  
Năm học : 2013-2014      Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên     |        | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|---------------|--------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |               |        |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 1   | Lê Phú Trường | Ân     | 3772050873 | 17/11/1995 | 6,00        | 6,50        | 6,40      |         |
| 2   | Bùi Văn       | Cường  | 3772050978 | 10/05/1995 | 7,00        | 5,80        | 6,20      |         |
| 3   | Phan Quốc     | Vũ     | 3772051015 | 24/07/1995 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 4   | Nguyễn Đình   | Kim    | 3772051020 | 20/05/1994 | 5,00        | 5,00        | 5,00      |         |
| 5   | Nguyễn Minh   | Thuận  | 3772051027 | 23/09/1995 | 7,00        | 6,50        | 6,70      |         |
| 6   | Nguyễn Ngọc   | Trung  | 3772051032 | 12/04/1995 | 8,00        | 1,80        | 3,70      |         |
| 7   | Lê Cát        | Tường  | 3772051037 | 10/10/1995 | 7,00        | 6,30        | 6,50      |         |
| 8   | Đỗ Cao        | Trí    | 3772051043 | 30/07/1995 | 6,00        | ,80         | 2,40      |         |
| 9   | Đỗ Thành      | Thy    | 3772051048 | 14/10/1995 | 7,00        | 6,80        | 6,90      |         |
| 10  | Nguyễn Hoàng  | Huy    | 3772051053 | 21/10/1995 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 11  | Huỳnh Nhật    | Minh   | 3772051054 | 23/12/1994 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 12  | Nguyễn Tiến   | Nhật   | 3772051058 | 24/10/1995 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 13  | Trần Huy      | Hồng   | 3772051064 | 16/12/1995 | 5,00        | 5,50        | 5,40      |         |
| 14  | Lê Văn        | Cảnh   | 3772051075 | 07/11/1995 | 7,00        | 7,30        | 7,20      |         |
| 15  | Phạm Quang    | Hải    | 3772051077 | 25/12/1995 | 6,00        | 1,80        | 3,10      |         |
| 16  | Lại Văn       | Trí    | 3772051082 | 20/10/1995 | 6,00        | 7,50        | 7,10      |         |
| 17  | Bùi Văn       | Quỳnh  | 3772051088 | 10/02/1994 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 18  | Vũ Hoài       | Nam    | 3772051094 | 31/10/1994 | 5,00        | 7,00        | 6,40      |         |
| 19  | Nguyễn Văn    | Nghiệp | 3772051101 | 14/11/1995 | 6,00        | 6,00        | 6,00      |         |
| 20  | Sơn Anh       | Khoa   | 3772051107 | 30/11/1995 | 5,00        | 5,80        | 5,60      |         |
| 21  | Quách Thuận   | Cảnh   | 3772051108 | 23/02/1995 | 8,00        | 3,80        | 5,10      |         |
| 22  | Trần Thanh    | Minh   | 3772051111 | 20/11/1995 | 6,00        | 3,30        | 4,10      |         |
| 23  | Nguyễn Anh    | Ninh   | 3772051118 | 09/04/1995 | 6,00        | 7,00        | 6,70      |         |
| 24  | Đặng Thế      | Trí    | 3772051132 | 20/02/1994 | 7,00        | 8,00        | 7,70      |         |
| 25  | Trần Đức      | Nhật   | 3772051166 | 10/02/1995 | 7,00        | 6,50        | 6,70      |         |
| 26  | Phạm Trung    | Cang   | 3772051187 | 25/09/1995 | 7,00        | 5,50        | 6,00      |         |
| 27  | Nguyễn Văn    | Hùng   | 3772051192 | 20/08/1995 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 28  | Võ Thành      | Lợi    | 3772051197 | 04/09/1995 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 29  | Đặng Quốc     | Quý    | 3772051210 | 27/08/1994 | 6,50        | 4,80        | 5,30      |         |
| 30  | Nguyễn Tấn    | Sơn    | 3772051278 | 26/06/1995 | 6,00        | 9,30        | 8,30      |         |
| 31  | Phạm Hữu      | Tuân   | 3772051293 | 25/06/1995 | 6,00        | 8,30        | 7,60      |         |
| 32  | Nguyễn Hùng   | Anh    | 3772051306 | 23/02/1993 | 7,00        | 6,80        | 6,90      |         |
| 33  | Hoàng Đại Gia | Long   | 3772051312 | 13/08/1995 | 5,00        | 6,30        | 5,90      |         |
| 34  | Đoàn Thanh    | Huy    | 3772051321 | 07/08/1995 | 5,00        | ,00         | 1,50      |         |
| 35  | Lê Thanh      | Nhạc   | 3772051340 | 28/10/1995 | 5,00        | 3,50        | 4,00      |         |

Học phần : 0671016 - Vật lý đại cương 1  
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0)      Lần thi : 2  
Năm học : 2013-2014      Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên        |       | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|------------------|-------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                  |       |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 36  | Nguyễn Nam       | Trung | 3772051349 | 05/02/1995 | 6,00        | 3,00        | 3,90      |         |
| 37  | Huỳnh Huy        | Hoàng | 3772051350 | 27/04/1994 | 6,00        | 6,00        | 6,00      |         |
| 38  | Nguyễn Huỳnh Như | Phúc  | 3772051373 | 10/07/1992 | 7,00        | 6,50        | 6,70      |         |
| 39  | Nguyễn Quốc      | Thái  | 3772051374 | 02/09/1995 | 6,00        | 5,30        | 5,50      |         |
| 40  | Trần Trí         | Nghĩa | 3772051409 | 20/01/1995 | 6,00        | 8,80        | 8,00      |         |

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm  
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo  
(Họ tên và chữ ký)